UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN *THỰC HÀNH DỊCH 3*

Mã số học phần: 200385

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: *Thực hành dịch 3*

Tên Tiếng Anh: Translation Practice 3

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sư phạm Ngữ văn và Ngôn ngữ Khmer

Khoa: Ngôn ngữ – Văn hoá – Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ thực hành

Phân bố thời gian: 7 tuần.

- *15 tuần thực hành (04 tiết/tuần).*
- E-learning *(sử dụng xuyên suốt kết hợp song song hoạt động dạy và học trên lớp)*

Học kỳ: VI (học kỳ II năm thứ 3)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: ThS. Bùi Thị Luyến *(SĐT: 0949482081; Email: btluyen@tvu.edu.vn).*
- GV cùng giảng dạy: ThS. Thạch Ngọc Châu *(SĐT: 0946542330; Email: tnchau@tvu.edu.vn)*

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: *Thực hành dịch 2*

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☑					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐		Tốt nghiệp ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☑ Tiếng Khmer ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 01
- Ngày hiệu chỉnh: 11/07/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Quy định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức về phiên dịch đa lĩnh vực ở mức độ từ tương đối phức tạp đến phức tạp.

Đồng thời học phần cũng nhằm tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng phiên dịch nâng cao, phát triển các kĩ năng dịch thuật đã hình thành trước đó như kĩ năng ghi nhớ thông tin, kĩ năng ghi tốc ký, kĩ năng phân tích và tổng hợp thông tin, kĩ năng xử lí tình huống có thể xảy ra trong dịch thuật, kĩ năng nghe hiểu và diễn đạt thông tin.

Học phần giúp sinh viên củng cố nhận thức về tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp trong dịch thuật. Đồng thời, học phần cũng góp phần rèn luyện kĩ năng tư duy phản biện, kĩ năng trình bày và kĩ năng giao tiếp cho sinh viên.

IV. Kết quả học tập

**** Kết quả học tập mong đợi:***

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*
- *Bỏ trống nếu không có đồng ý*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
200385	THD3	M	H	H	H	M	M	M	L	H	M	M	H

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO1	Ứng dụng thành thục các tiêu chí, quy tắc, kĩ năng và kĩ thuật phiên dịch.	ELO: 1, 3, 9, 10
Kĩ năng		
CELO2	Ứng dụng các kĩ thuật phiên dịch nâng cao: nghe hiểu, ghi nhớ, ghi chép, diễn đạt tương đương, tái cấu trúc, giải thích, luyện giọng, sử dụng ngôn ngữ phi cử chỉ.	ELO: 2, 3, 7
CELO3	Phiên dịch đa lĩnh vực.	ELO: 3, 7, 8, 9
CELO4	Xử lý các vấn đề phát sinh khi phiên dịch	ELO: 4, 8, 9
CELO5	Hình thành và phát triển một số kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng sáng tạo, trình bày ý kiến trước tập thể.	ELO: 5, 6, 10

Thái độ		
CELO6	Tự học, trau dồi vốn kiến thức liên quan đến ngôn ngữ, văn hoá và dịch thuật.	ELO: 12
CELO7	Thể hiện đạo đức dịch thuật, trung thành với ý nghĩa của bản gốc.	ELO: 11, 12

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

- GV nêu vấn đề/ nêu tình huống, đặt câu hỏi cho SV trình bày ý kiến, thảo luận nhóm, sau đó GV thuyết giảng, chốt lại vấn đề.

- Thảo luận nhóm cố định và nhóm ngẫu nhiên, so sánh bản dịch và bản gốc (kết hợp sử dụng phương pháp trực quan, vấn đáp và đóng vai) để đưa ra những giải pháp dịch khả dụng nhất => chốt lại nội dung lý thuyết, đánh giá lý thuyết.

- Thực hành dịch các nhóm văn bản khác nhau (VB ngắn và đơn giản) theo hình thức cá nhân và nhóm.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự ít nhất 80% giờ học.
- Đọc trước giáo trình, xem tài liệu và thực hiện các yêu cầu trên khoá học e-learning,
- Tích cực thực hành các hoạt động dịch trên lớp, mở rộng vốn từ cho bản thân theo yêu cầu/ hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi; có thái độ cầu thị.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: **10**

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá quá trình tham dự lớp, thực hành các bài tập trên lớp và khoá học e-learning (chiếm 20%)

- Bài kiểm tra quá trình: 01 lần (chiếm 30%) Sinh viên thực hành phiên dịch cá nhân, bốc thăm các nội dung thuộc chủ đề 1-4– Đánh giá theo tiêu chí chấm thực hành dịch (rubric)

- Đánh giá kết thúc học phần (chiếm 50%): Giảng viên và sinh viên thống nhất chọn 01 trong 2 hình thức:

1. SV thi vấn đáp, bốc thăm chủ đề và thực hành phiên dịch 2 chiều.
2. SV thi dưới hình thức đóng vai, bốc thăm chủ đề và phiên dịch 2 chiều theo tình huống.

SV bốc thăm các nội dung thuộc chủ đề 1-6– Đánh giá theo tiêu chí chấm thực hành dịch (rubric)

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Mô tả nội dung học phần và nội dung đánh giá

Nội dung	**CĐR học phần**	**Hình thức đánh giá**	**Nội dung đánh giá**
Chủ đề 1: Các vấn đề xã hội - Giáo dục -Văn hoá - Nghệ thuật **Chủ đề 2 : Chính trị - Ngoại giao**	1-7	- BT dịch đuổi - BT dịch song song - BT rèn phản xạ - BT phát âm - BT đánh giá sản phẩm	- Nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động học tập. - Tích cực rèn luyện kĩ năng phiên dịch, luyện phát âm và luyện phản xạ.

Chủ đề 3 : Kinh tế - Thương mại	1-7	dịch/ nhận xét và tự điều chỉnh (cá nhân và nhóm)	- Mạnh dạn thử nghiệm các cách thức dịch mới sao cho nâng cao hiệu quả giao tiếp, đảm bảo chuyển tải đầy đủ, chính xác thông điệp gốc. - Không ngừng tự học để trao dồi năng lực ngôn ngữ (vốn từ vựng, kĩ năng ngôn ngữ)
Chủ đề 4 : Ngân hàng – Kế toán – Kiểm toán			
Chủ đề 5 : Khoa học – Công nghệ			
Chủ đề 6 : Y Dược			

8.2. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (20%)	KTQT (30%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X	X	X
CELO2	X	X	X
CELO3	X	X	X
CELO4	X	X	X
CELO5	X	X	X
CELO6	X	X	X
CELO7	X	X	X

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHT mong đợi của học phần
1,2,3	Chủ đề 1: Các vấn đề xã hội - Giáo dục -Văn hoá - Nghệ thuật	1-7
4,5	Chủ đề 2 : Chính trị - Ngoại giao	
6,7,8	Chủ đề 3 : Kinh tế - Thương mại	
9,10,11	Chủ đề 4 : Ngân hàng – Kế toán – Kiểm toán	
12,13	Chủ đề 5 : Khoa học – Công nghệ	
14,15	Chủ đề 6 : Y Dược	

X. Tài liệu tham khảo

Giáo trình/ Tài liệu học tập chính	Thạch Sê Ha (2018). *Bài giảng Thực hành dịch 3*. Trường Đại học Trà Vinh. Lưu hành nội bộ
Tài liệu tham khảo thêm	1. Nguyễn Thượng Hùng (2005) *Dịch thuật: từ Lý thuyết đến Thực hành*. Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh. 2. Hồ, Đắc Túc (2012). *Dịch thuật và tự do*. NXB Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại học liệu khác	Các địa chỉ trang web mà GV cung cấp trên lớp học e-learning để cập nhật vốn từ, học hỏi cách diễn đạt … https://ngonngu.net/ http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn http://sealang.net/khmer/dictionary.htm http://dictionary.tovnah.com/ http://tudienvietkhmer.com/

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: phòng học lý thuyết, phòng thực hành dịch.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, bảng; phấn, nam châm/ viết lông; giấy A4; các phương tiện nghe nhìn, thu phát âm thanh chuyên dụng.

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA	**TRƯỞNG BỘ MÔN**	**GV BIÊN SOẠN**
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Thị Kiều Tiên	**Bùi Thị Luyến**

CÁC BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN *THỰC HÀNH DỊCH 3*

1. ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH

1.1. Đánh giá thường xuyên:

BẢNG MÔ TẢ ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

CHUYÊN CẦN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

Lưu ý: % điểm đạt cho bài tập trên lớp được định lượng theo đáp án GV công bố sau mỗi bài tập

BẢNG THEO DÕI QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Học phần: Thực hành dịch 3 Học kì:…… Năm học:…….

Nhóm:

Sĩ số:

TT	MSSV	Họ Tên	Lớp	Hoạt động chuyên cần				KTQT		TBQT	Ghi chú
				1	2	….	11	Lần 1	Lần 2		
				15/01	22/01						
1				*							
2					Vắng						p
…											

CÁC NHIỆM VỤ HỌC TẬP ĐÃ GIAO

Ngày giao	Nhiệm vụ	Ngày nộp	Mức độ đạt	Ghi chú

1.2. Bài kiểm tra quá trình – thực hành phiên dịch, chấm theo phiếu chấm rubric

2. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC

GV giảng dạy chọn 01 trong 2 hình thức:

1. SV thi vấn đáp, bốc thăm chủ đề và thực hành phiên dịch 2 chiều.
2. SV thi dưới hình thức đóng vai, bốc thăm chủ đề và phiên dịch 2 chiều theo tình huống

Các chủ đề bốc thăm là các chủ đề chính trong học phần, mỗi chủ đề có ít nhất 3 nội dung khác nhau để SV bốc thăm.

Sử dụng các tiêu chí chấm và rubric giống như các biểu mẫu của bài kiểm tra quá trình

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI KIỂM TRA/ BÀI THI HẾT MÔN

Học phần: *Thực hành dịch 3*

(Phiên dịch song ngữ Khmer – Việt)

Họ và tên SV:……

Lớp: Đại học Ngôn ngữ Khmer, khóa ….(DA…NNK)

Tiêu chí					Điểm đạt	Ghi chú
	0-0.5	0.5-1.0	1.0-1.5	1.5-2.0		
(1) Trôi chảy và mạch lạc *(2.0 điểm)*	- Ngập ngừng, rất không lưu loát - Thường	- Thỉnh thoảng ngập ngừng, không có kết nối	- Đôi khi ngập ngừng nhưng có sự kết nối giữa các	- Trình bày đầy đủ nội dung - Lưu loát, mạch lạc, có kết nối		

	xuyên để thời gian chết - Không trình bày được nội dung	giữa các phần - Phản xạ tương đối chậm - Có trình bày được ít nhất 50% nội dung.	phần. - Khá tự tin, phản xạ khá nhanh - Có trình bày được ít nhất 75% nội dung.	giữa các phần - Phản xạ nhanh, nói trôi chảy		
(2) Sử dụng từ ngữ. *(2.0 điểm)*	0-0.5	0.5-1.0	1.0-1.5	1.5-2.0		
	Từ vựng sơ sài, khó hiểu	Từ vựng đơn giản, chung chung, nhưng có thể hiểu	Có sử dụng từ vựng chuyên ngành, nhưng đôi chỗ dùng sai	Sử dụng từ vựng chính xác, truyền tải thông tin tốt		
(3) Đa dạng trong ngữ pháp. *(1.0 điểm)*	0-0.25	0.25-0.5	0.5-0.75	0.75-1.0		
	- Câu cụt, đứt quãng - Cấu trúc ngữ pháp sai quá nhiều chỗ	- Câu không rõ cấu trúc, sai khá nhiều chỗ	- Thỉnh thoảng có những cấu trúc không rõ	- Đa số các phát ngôn rõ cấu trúc, có sự linh hoạt trong chuyển đổi cấu trúc.		
(4) Độ chính xác so với bản gốc *(2.0 điểm)*	0-0.5	0.5-1.0	1.0-1.5	1.5-2.0		
	Mắc lỗi thường xuyên nghiêm trọng khiến mục đích chuyển tải thông điệp bị thất bại	Mắc lỗi khá thường xuyên, làm mất đi/ sai sót một lượng lớn thông tin (dưới 50%)	Thỉnh thoảng mắc lỗi, làm mất đi/ sai sót một lượng thông tin (dưới 75%)	Truyền tải linh hoạt và chính xác thông tin so với bản gốc, đáp ứng kịp thời nhu cầu giao tiếp		
(5) Phát âm.	0-0.5	0.5-1.0	1.0-1.5	1.5-2.0		
	- Phát âm sai	- Phát âm khá nhỏ,	- Phát âm đúng, khá	- Phát âm đúng, to,		

(2.0 điểm)	quá nhiều chỗ, không nghe rõ được nội dung	một số chỗ sai sót, chưa tự nhiên	to, một số ít chỗ chưa rõ/ chưa tự nhiên	rõ, đảm bảo độ tự nhiên		
(6) Cử chỉ, biểu cảm, ngữ điệu *(1.0 điểm)*	0-0.25	0.25-0.5	0.5-0.75	0.75-1.0		
	- Cử chỉ, biểu cảm không tự nhiên - Nói đều đều, không chú trọng ngữ điệu	- Cử chỉ, biểu cảm thường xuyên thiếu tự nhiên - Thỉnh thoảng có ngữ điệu	- Cử chỉ, biểu cảm thỉnh thoảng còn thiếu tự nhiên - Ngữ điệu khá tốt	- Cử chỉ, biểu cảm tự nhiên - Ngữ điệu tốt, thu hút người nghe.		
Tổng điểm:					**……../10**	

Tổng điểm chấm:

- Bằng số:……
- Bằng chữ:…….

Trà Vinh, ngày … tháng … năm 20....

CÁN BỘ CHẤM LẦN 1

Lưu ý:

- Tính điểm thấp trong trường hợp tỉ lệ đạt thấp hơn mức chuẩn mô tả nhưng tiệm cận - Tính điểm cao trong tỉ lệ đạt cao hơn mức chuẩn mô tả nhưng chưa đạt mức kế tiếp.